

Số: 140/TB-UBND

Định Hóa, ngày 26 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2026 được HĐND phê duyệt

Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND xã Định Hóa về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 được HĐND xã phê duyệt;

Ủy ban Nhân dân xã Định Hóa thông báo đến Đảng ủy - HĐND - các tổ chức chính trị - xã hội và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau:

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2026 được HĐND xã phê duyệt bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa các xóm trên địa bàn xã và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://dinhhoa.thainguyen.gov.vn> chuyên mục công khai ngân sách.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8 giờ 00 phút ngày 26 tháng 12 năm 2025 (thời gian công khai là 30 ngày liên tục kể từ ngày bắt đầu niêm yết công khai).

2. Giao cho Trung tâm dịch vụ tổng hợp thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm, các xóm thông báo thông qua buổi họp xóm về hình thức niêm yết và số liệu dự toán năm 2026 được HĐND xã Định Hóa phê duyệt để bà con nhân dân được biết.

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công khai số liệu dự toán năm 2026 được HĐND xã Định Hóa phê duyệt. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn và các ông, bà trưởng xóm triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- UBMTTQ xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VP, PKT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Tuấn

UBND XÃ ĐỊNH HÓA



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Biểu số 108/CK TC-NSNN

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	198.655.000.000	TỔNG SỐ CHI	198.655.000.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	30.505.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	8.120.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	11.287.000.000	II. Chi thường xuyên	187.101.000.000
III. Thu bổ sung	156.863.000.000	III. Dự phòng	3.434.000.000
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	202.638.000.000	198.655.000.000
I	Các khoản thu 100 %	30.505.000.000	30.505.000.000
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	19.635.000.000	19.635.000.000
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	150.000.000	150.000.000
	Thuế thu nhập cá nhân	3.500.000.000	3.500.000.000
	Lệ phí trước bạ	7.220.000.000	7.220.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	15.270.000.000	11.287.000.000
1	Các khoản thu phân chia	15.050.000.000	11.100.000.000
	- Phí, lệ phí	2.370.000.000	1.720.000.000
	- Thu khác ngân sách	4.000.000.000	3.260.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
	- Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	680.000.000	
	- Thuế sử dụng đất	8.000.000.000	6.120.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	220.000.000	187.000.000
	- Thu tiền thuê đất	220.000.000	187.000.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	156.863.000.000	156.863.000.000

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	$I=2+3$	2	3
	TỔNG CHI	198.655.000.000	8.120.000.000	190.535.000.000
I	Chi đầu tư phát triển	8.120.000.000	8.120.000.000	0
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.120.000.000	6.120.000.000	
2	Nguồn vốn XDCB tập trung	2.000.000.000	2.000.000.000	
II	Chi thường xuyên	187.101.000.000		187.101.000.000
1	Văn phòng Đảng ủy	7.088.400.000		7.088.400.000
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	3.942.400.000		3.942.400.000
3	Văn phòng HĐND&UBND	14.521.000.000		14.521.000.000
4	Phòng Kinh tế	2.631.120.000		2.631.120.000
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	33.028.400.000		33.028.400.000
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	986.000.000		986.000.000
7	Trung tâm dịch vụ tổng hợp	2.907.000.000		2.907.000.000
8	Trung tâm Chính trị	2.344.000.000		2.344.000.000
9	Các đơn vị trường học	88.669.000.000		88.669.000.000
-	Mầm Non Bảo Cường	5.692.000.000		5.692.000.000
-	Mầm Non Bảo Linh	5.603.000.000		5.603.000.000
-	Mầm Non Chợ Chu	9.459.000.000		9.459.000.000
-	Mầm Non Đồng Thịnh	5.435.000.000		5.435.000.000
-	Mầm Non Phúc Chu	3.958.000.000		3.958.000.000
-	Tiểu Học Bảo Cường	7.052.000.000		7.052.000.000
-	Tiểu Học Bảo Linh	7.639.000.000		7.639.000.000
-	Tiểu Học Chợ Chu	10.546.000.000		10.546.000.000
-	Tiểu Học Đồng Thịnh	5.923.000.000		5.923.000.000
-	Tiểu Học & THCS Phúc Chu (TH)	3.545.000.000		3.545.000.000
-	THCS Bảo Cường	4.360.000.000		4.360.000.000
-	THCS Bảo Linh	4.475.000.000		4.475.000.000
-	THCS Chợ Chu	7.284.000.000		7.284.000.000
-	THCS Đồng Thịnh	4.994.000.000		4.994.000.000
-	Tiểu Học & THCS Phúc Chu (THCS)	2.704.000.000		2.704.000.000

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	$I=2+3$	2	3
10	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	3.839.000.000		3.839.000.000
11	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách giáo dục (<i>Chế độ học sinh khuyết tật; Chế độ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, nhà trẻ; Chế độ hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí; Chế độ học sinh dân tộc rất ít người; Chế độ hỗ trợ tiền ăn, ở cho học sinh; Chế độ GV dạy lớp có HS khuyết tật; Chế độ giáo viên dạy lớp ghép HS tiểu học; Định mức khoán giảng dạy, hợp đồng 111; Giáo viên dạy tiếng anh lớp 1,2...</i>)	10.598.000.000		10.598.000.000
12	Bổ sung kinh phí cho các trường có điểm trường lẻ	150.000.000		150.000.000
13	Trung tâm học tập cộng đồng	35.000.000		35.000.000
14	Chi sửa chữa trường lớp học	3.000.000.000		3.000.000.000
15	Chi các chế độ, chính sách phát sinh	529.000.000		529.000.000
16	Sự nghiệp kinh tế	6.480.000.000		6.480.000.000
17	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	544.000.000		544.000.000
18	Kinh phí quản lý, bảo vệ đất trồng lúa	1.169.000.000		1.169.000.000
19	Sự nghiệp môi trường	1.796.000.000		1.796.000.000
20	Cải cách hành chính	416.300.000		416.300.000
21	Chi ứng dụng khoa học công nghệ	861.000.000		861.000.000
22	Chi khác	300.000.000		300.000.000
23	Kinh phí dự phòng tăng biên chế và các nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác	1.266.380.000		1.266.380.000
III	Dự phòng ngân sách	3.434.000.000		3.434.000.000



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt)

Đơn vị: Đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 206			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		90.111.596.921		8.525.000.000	8.525.000.000	8.120.000.000	8.120.000.000	8.120.000.000	
1. Công trình chuyển tiếp		45.599.905.000		8.525.000.000	8.525.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
Nguồn vốn ngân sách tỉnh		56.096.596.921		6.474.000.000	6.474.000.000	7.620.000.000	7.620.000.000	7.620.000.000	
Cầu So Tính xã Định Hóa	2025-2026	34.015.000.000		2.051.000.000	2.051.000.000	500.000.000	500.000.000,0	500.000.000	
Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Bảo Cường - Đồng Thịnh đoạn từ Ngã 3 khu di tích	2025-2026	11.584.905.000		6.474.000.000	6.474.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000,0	1.500.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 206			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
K77 (Km5+550m) đến đường Hồ Chí Minh									
2. Công trình khởi công mới		44.511.691.921				6.120.000.000	6.120.000.000	6.120.000.000	
Nguồn thu tiền sử dụng đất		12.283.858.287				4.820.000.000	4.820.000.000	4.820.000.000	
Đường liên xóm Hợp Thành - Phúc Xuân	2026-2028	42.628.104.200				1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000	
Xử lý ngập úng xóm Tân Lập, xóm Bãi Á	2026-2028	1.883.587.721				700.000.000	700.000.000	700.000.000	
Đường liên xóm Bãi Hội - Khuân Ca	2026-2028	10.400.270.566				2.400.000.000	2.400.000.000	2.400.000.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 206			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Đồng Thịnh	2026-2028	7.698.819.472				1.414.000.000	1.414.000.000	1.414.000.000	
Tiết kiệm 5%						306.000.000	306.000.000	306.000.000	